

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 629/2025/DS-ST

Ngày: 08/9/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Phước

Ông Ngô Tấn Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Nghị - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 710/2023/DSST ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 639/2025/QĐXX-DS, ngày 17 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 1539/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần D

Trụ sở chính: Số xx đường N, phường T, quận H, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1996 và ông Hoàng Đức T, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Lầu x, số xxx LVS, phường N (cũ là phường xx, quận x), Thành phố H (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc Anh V, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Số xxx Đường NK, phường H (cũ là Phường x, quận G), Thành phố H (Có mặt);

Bà Phan Thị Thùy D, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số xx Chung cư T, số xx TCD, khu phố x, phường T (cũ là phường xx, quận T), Thành phố H. (Có mặt khi xét xử - vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/10/2023; bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án, ông Nguyễn Quốc K đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26 tháng 4 năm 2016, Ngân hàng thương mại cổ phần D – chi nhánh BT (gọi tắt là nguyên đơn) đã ký kết với ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D (gọi tắt là bị đơn) hợp đồng cho vay số 18/2016/HĐTD//KHCHN-PVB-CN.BT cùng khế ước nhận nợ số 01 ngày 26/4/2016, với phương thức cho vay dài hạn giải ngân một lần hạn mức số tiền cho vay 500.000.000 đồng, thời gian cho vay 60 tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay tín dụng nêu trên, ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 17/2016/HDBD/KHCHN-PVB-CN.BT ngày 26/04/2016 để bàn đảm cho khoản vay nêu trên chi tiết như sau:

-01 xe ô tô con hiệu Ford, số loại EcoSport JK8 5D UEJA-AT-TITA; 05 chỗ, màu đỏ, biển kiểm soát: 51F-662.23, số khung: RL05TSBAMGAR06635, số máy: UEJA06635. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 158838 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/04/2016 cho ông Nguyễn Ngọc Anh V.

Tài sản bảo đảm được đăng ký giao dịch bảo đảm đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/04/2016.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Dư nợ khoản vay ông V, bà D tạm tính đến ngày 12/10/2023 như sau:

Nợ gốc: 273,763,651 đồng

Nợ lãi: 268,351,132 đồng

Tổng nợ: 542,114,783 đồng (*Năm trăm bốn mươi hai triệu một trăm mười bốn nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng*)

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bằng đơn này, Ngân hàng thương mại cổ phần D kính đề nghị Tòa án xem xét và phán quyết như sau:

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần D tổng số tiền 542,114,783 đồng (*Năm trăm bốn mươi hai triệu một trăm mười bốn nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng*) bao gồm: 273,763,651 đồng nợ gốc và 268,351,132 đồng nợ lãi (tạm tính đến ngày 12/10/2023)

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D thanh toán phần nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quả hạn được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số 18/2016/HĐTD/KHCHN-PVB-CN.BT ngày 26/04/2016 kể từ ngày 13/10/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng thương mại cổ phần D có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô con hiệu Ford, số loại EcoSport JK8 5D UEJA-AT-TITA; 05 chỗ, màu đỏ, biển kiểm soát: 51F-662.23, số khung: RL05TSBAMGAR06635, số máy: UEJA06635. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 158838 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/04/2016 cho ông Nguyễn Ngọc Anh V, để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần D.

Ngày 18/12/2023, ông K có bản tự khai yêu cầu:

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần D tổng số tiền 552,664,695 đồng (*Năm trăm năm mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng*) bao gồm: 273,763,651 đồng nợ gốc và 278.901.044 đồng nợ lãi (tạm tính đến ngày 18/12/2023)

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D thanh toán phần nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 18/2016/HĐTD/KHCN-PVB-CN.BT ngày 26/04/2016 kể từ ngày 19/12/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Cùng các yêu cầu nêu ông V và bà D không thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản là xe ô tô đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ vay.

Ngày 27/5/2025, ông T có bản tự khai yêu cầu:

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần D tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/5/2025 là: 582,173,625 đồng (*Năm trăm tám mươi hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng*). Bao gồm: 223.763.651 đồng nợ gốc và 358.409.974 đồng nợ lãi (Lãi trong hạn là: 47.116.637 đồng; Lãi quá hạn là: 280.989.712 đồng và lãi chậm trả lãi là: 30.303.625 đồng)

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D thanh toán phần nợ lãi phát sinh kể từ ngày 28/5/2025 tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 18/2016/HĐTD/KHCN-PVB-CN.BT ngày 26/04/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Cùng các yêu cầu nêu ông V và bà D không thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản là xe ô tô đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ vay.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D đối với Ngân hàng thương mại cổ phần D. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần D.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần D số tiền đã tạm ứng nộp tại Tòa án.

Ngày 04/9/2025, ông K có bản tự khai yêu cầu:

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần D tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/9/2025 là: 594.362.971 đồng (*Năm trăm chín mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi một đồng*). Bao gồm: 223.763.651 đồng nợ gốc và 370.599.320 đồng nợ lãi (Lãi trong hạn là: 47.116.637 đồng; Lãi quá hạn là: 291.982.102 đồng và Lãi chậm trả lãi là: 31.500.581 đồng)

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D thanh toán phần nợ lãi phát sinh kể từ ngày 05/9/2025 tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 18/2016/HĐTD/KHCN-PVB-CN.BT ngày 26/04/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Cùng các yêu cầu nêu ông V và bà D không thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản là xe ô tô đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ vay.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D đối với Ngân hàng thương mại cổ phần D. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần D.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần D số tiền đã tạm ứng nộp tại Tòa án.

Từ ngày 26/4/2016 cho đến ngày 22/01/2025 ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D thanh toán cho Ngân hàng số tiền 364.890.410 (*Ba trăm sáu tư triệu tám trăm chín mươi ngàn bốn trăm mười đồng*); trong đó : tiền gốc là 276.236.349 đồng và tiền lãi là 88.654.061 đồng.

Ngày 04/4/2025, ông Nguyễn Ngọc Anh V là bị đơn có bản tự khai:

Nguyên vào ngày 26/4/2016, tôi có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP D để vay số tiền 500.000.000 đồng. Tôi có thanh toán gốc và lãi. Hiện đến thời điểm này tôi còn dư nợ Ngân hàng là 273.763.651 đồng tiền gốc và 268,351,132 đồng tiền lãi. Tôi sẽ làm việc với Ngân hàng để xin giảm lãi và đối chiếu công nợ để chốt một con số cụ thể. Trong thời gian sớm nhất tôi sẽ thu xếp trả nợ cho Ngân hàng cả gốc và lãi và sau đó Ngân hàng sẽ rút đơn khởi kiện.

Ngày 07/11/2024, bà Phan Thị Thùy D là bị đơn có bản tự khai:

Tôi không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP D về việc buộc tôi và ông Nguyễn Ngọc Anh V thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 542,114,783 đồng, bao gồm: 273,763,651 đồng tổng nợ gốc và 268,351,132 đồng tổng nợ lãi (tạm tính đến ngày 12/10/2023); thanh toán phần nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 18/2016/HĐTD/KHCN-PVB-CN.BT kể từ ngày 13/10/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Bởi các lẽ như sau:

1/ Năm 2017, khi tôi và ông V thực hiện thủ tục ly hôn thì tôi và ông Nguyễn Ngọc Anh V đã lập Văn bản thỏa thuận và cam kết ngày 28/9/2017 về việc ông V cam kết chịu trách nhiệm thanh toán nợ vay tín dụng có thế chấp tài sản 01 xe ô tô con hiệu Ford, số loại EcoSport JK8 5D UEJA-AT-TITA; 05 chỗ, màu đỏ, biển kiểm soát: 51F-662.23, số khung: RL05TSBAMGAR06635, số máy: UEJA06635. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 158838 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/04/2016 cho ông Nguyễn Ngọc Anh V đứng tên cho Ngân hàng TMCP D hàng tháng cho đến khi tắt toán khoản vay.

Việc thỏa thuận nêu trên được lập vì bằng ghi nhận tại Văn phòng thừa phát lại Quận Tân Bình, địa chỉ số 672 Trường Chinh, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì bằng được lập có số 535/2017/VB-TPL ngày 25/12/2017 ghi nhận hành vi, sự kiện thỏa thuận của ông V đối với tôi. Theo đó, tôi tự nguyện bằng lòng tặng cho toàn bộ phần sở hữu, phần sử dụng của tôi đối với xe ô tô nêu trên cho ông V được toàn quyền sở hữu, sử dụng xe ô tô này theo quy định pháp luật (theo đó thì xe ô tô đã đứng tên của mình ông V), đồng thời ông V có nghĩa vụ trả khoản nợ vay thế chấp chiếc xe ô tô nêu trên và thanh toán nợ hàng tháng cho Ngân hàng TMCP D cho đến khi tất toán khoản nợ nêu trên. Ông V cam kết khoản nợ vay và trách nhiệm thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng D là trách nhiệm của ông V, tôi không liên quan đến khoản nợ này. Bên cạnh đó, chiếc ô tô nêu trên được một mình ông V sở hữu, đứng tên, quản lý và sử dụng từ đó đến nay.

Vì vậy, theo văn bản thỏa thuận và cam kết thỏa thuận ngày 28/9/2017 giữa tôi và ông V thì tôi không còn nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay thế chấp xe ô tô nêu trên đối với Ngân hàng TMCP D theo Hợp đồng tín dụng số 18/2016/HĐTD/PVB-CN.BT ngày 26/04/2016, mà theo đó ông Nguyễn Ngọc Anh V là người trực tiếp chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ vay gốc và lãi cho Ngân hàng. Vì vậy, nay Ngân hàng TMCP D khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ vay thì ông V là người có trách nhiệm trực tiếp thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận và cam kết có lập vì bằng làm chứng cho hành vi, sự kiện đối với tôi.

2/ Ngoài ra, tôi và ông V đã ly hôn từ năm 2017 (theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 1505/2017/QDDST-HNGĐ ngày 25/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh). Kể từ thời điểm ly hôn đến nay ông V là người trực tiếp làm việc và thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng, tôi cũng không biết được quá trình thanh toán nợ của ông V đối với Ngân hàng như thế nào và tôi cũng chưa nhận được bất kỳ thông tin nào từ Ngân hàng TMCP D về việc yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc, lãi. Vì vậy, tôi không đồng ý đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc tôi và ông V thanh toán khoản nợ lãi và nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3/ Đối với việc Ngân hàng TMCP D yêu cầu kê biên, phát mãi xe ô tô xe ô tô 05 chỗ, màu đỏ, nhãn hiệu FORD, số máy UEJA06635, số khung SBAMGAR06635, biển kiểm soát số 51F-662.23 theo giấy chứng nhận đăng ký cấp ngày 25/04/2016 do ông Nguyễn Ngọc Anh V đứng tên để thu hồi nợ cho Ngân hàng thì tôi không có ý kiến, vì tôi không trực tiếp quản lý, sử dụng xe và sở hữu đứng tên đối với xe ô tô này kể từ ngày mua xe, được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP D.

Chính vì các lẽ trên, tôi không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP D về việc yêu cầu tôi thanh toán khoản nợ gốc, lãi và nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn cho Ngân hàng TMCP D.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D tại địa chỉ số xxx NK, phường H (cũ là Phường x, quận G). Công an phường x, quận G trả lời xác minh: “Ông Nguyễn Ngọc Anh V có hộ

khẩu thường trú tại địa chỉ số xxx NK, phường H (cũ là Phường x, quận G), Thành phố H hiện đang ở tại xx lô B chung cư xxx LDT, phường xx, quận G(nay là phường A), Thành phố H. Còn bà D không có cư trú tại xxx NK, phường H (cũ là Phường x, quận G), Thành phố H không rõ ở đâu”

Ngày 17/4/2024, Tòa án tiến hành xác minh ông V tại xx lô B chung cư xxx LDT, phường xx, quận G(nay là phường A), Thành phố H tuy nhiên ông V hiện không ở tại đây.

Ngày 14/5/2024, Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ địa chỉ nơi ở mới của ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D. Đối với ông Nguyễn Ngọc Anh V, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác minh tại địa chỉ xx TVH, phường x, quận T, Thành phố H. Ngày 12/11/2024, Công an phường x, quận T trả lời xác minh ông V không có đăng ký thường trú, tạm trú tại địa chỉ xx TVH, phường x, quận T và không thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Đại diện Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tổng đạt, niêm yết tại địa chỉ nơi ông V có hộ khẩu để giải quyết vụ án.

Ngày 28/5/2024, đại diện nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bà D tại xã T, huyện H. Ngày 28/5/2024, Công an xã T, huyện H trả lời cho Tòa án bà D không có cư ngụ tại xx ấp T 2, xã T, huyện H.

Tòa án tiến hành xác minh tại Công an huyện H được biết bà D đã chuyển hộ khẩu ngày 14/5/2022 về địa chỉ xx Chung cư T, số xx TCD, khu phố x, phường T (cũ là phường xx, quận T), Thành phố H.

Đối với ông Nguyễn Ngọc Anh V, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản của Tòa án tại địa chỉ số xxx NK, phường H (cũ là Phường x, quận G), Thành phố H để giải quyết vụ án.

Ngày 27/02/2025, đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu về việc xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, Tòa án đã ra quyết định số 57/2022/QĐ-XXTĐTC ngày 27/02/2025 và việc xem xét thẩm định tại chỗ sẽ được tiến hành vào ngày 24/3/2025. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ được biết: Tại thời điểm xem xét thẩm định không có 01 xe ô tô con hiệu Ford, số loại EcoSport JK8 5D UEJA-AT-TITA; 05 chỗ, màu đỏ, biển kiểm soát: 51F-662.23, số khung: RL05TSBAMGAR06635, số máy: UEJA06635. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 158838 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/04/2016 cho ông Nguyễn Ngọc Anh V tại địa chỉ số xxx NK, phường H (cũ là Phường x, quận G), Thành phố H.

Tòa án đã tiến hành triệu tập đại diện nguyên đơn; ông V và bà D đến tòa để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng cả nguyên đơn và bị đơn không thống nhất việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Ông Nguyễn Quốc K là đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu :

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần D tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/9/2025 là: 594.362.971 đồng (*Năm trăm chín mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi một đồng*). Bao gồm: 223.763.651 đồng nợ gốc và

370.599.320 đồng nợ lãi (Lãi trong hạn là: 47.116.637 đồng; Lãi quá hạn là: 291.982.102 đồng và Lãi chậm trả lãi là: 31.500.581 đồng)

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D thanh toán phần nợ lãi phát sinh kể từ ngày 05/9/2025 tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 18/2016/HĐTD/KHCN-PVB-CN.BT ngày 26/04/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng thương mại cổ phần D có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô con hiệu Ford, số loại EcoSport JK8 5D UEJA-AT-TITA; 05 chỗ, màu đỏ, biển kiểm soát: 51F-662.23, số khung: RL05TSBAMGAR06635, số máy: UEJA06635. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 158838 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/04/2016 cho ông Nguyễn Ngọc Anh V đứng tên để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần D.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D đối với Ngân hàng thương mại cổ phần D. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần D.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần D số tiền đã tạm ứng nộp tại Tòa án.

* Ông Nguyễn Ngọc Anh V là bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuy nhiên ông xin giảm tiền lãi phạt cho ông V .

* Bà Phan Thị Thùy D là bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà vì bà và ông V đã có vi bằng thỏa thuận ông V trả hết số nợ cho Ngân hàng mà bà đã ký vay và ký thế chấp xe ô tô nhưng bà không được sử dụng xe ô tô đã mua một ngày nào mặt khác một mình bà đang phải nuôi con và ông V không cấp dưỡng nuôi con .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

-Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

-Bị đơn chưa thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung : Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên : Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn nợ gốc và lãi, đồng thời phải trả lãi chậm trả đến khi thi hành xong các khoản nợ với nguyên đơn, nếu bị đơn không thực hiện trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản để đảm bảo thi hành án

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

-Về quan hệ pháp luật :

Ngày 26 tháng 4 năm 2016, Ngân hàng thương mại cổ phần D có ký với ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D hợp đồng số 18/2016/HĐTD/KHCN-PVB-CN.BT để vay số tiền 500.000.000 đồng. Do ông V và bà D không thanh toán nợ gốc đúng hạn do đó nguyên đã khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số nợ đã vay của Ngân hàng vì vậy Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án : Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D khi ký kết hợp đồng vay với ngân hàng có nơi thường trú tại xxx NK, phường H (cũ là Phường x, quận G), Thành phố H. Tuy nhiên bà D có chuyển nơi thường trú mới tại quận T, Thành phố H nhưng không báo cho Ngân hàng do đó đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và sửa đổi bổ sung năm 2025.

2. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét về hình thức và nội dung hợp đồng cho vay số 18/2016/HĐTD//KHCN-PVB-CN.BT cùng khế ước nhận nợ số 01 ngày 26/4/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 17/2016/HĐBD/KHCN-PVB-CN.BT ngày 26/04/2016 để bảo đảm cho

khoản vay nêu trên đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần D với ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D xuất phát từ sự tự nguyện không trái pháp luật nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm ký kết phù hợp với quy định tại Điều 317 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Về nợ gốc:

Căn cứ vào hợp đồng cho vay số 18/2016/HĐTD//KHCN-PVB-CN.BT cùng khế ước nhận nợ số 01 ngày 26/4/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần D đã cho ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D vay số tiền 500.000.000 đồng lãi suất 7,99%/ năm thời hạn vay là 60 tháng để mua xe ô tô là có thật.

Xét trình bày của bà Phan Thị Thùy D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, do bà D đã chuyển giao nghĩa vụ cho ông V, theo bà trách nhiệm trả nợ với Ngân hàng là của ông V do bà và ông V đã ký thỏa thuận về việc ông V có toàn quyền quản lý, sử dụng và trả nợ cho Ngân hàng liên quan đến xe ô tô con hiệu Ford, Biển kiểm soát: 51F-662.23; số khung: RL05TSBAMGAR06635; Số máy: UEJA06635 đến khi hết khoản vay. Việc thỏa thuận nêu trên được lập vi bằng ghi nhận tại Văn phòng thừa phát lại Quận Tân Bình, địa chỉ số 672 Trường Chinh, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Vi bằng được lập có số 535/2017/VB-TPL ngày 25/12/2017 ghi nhận hành vi, sự kiện thỏa thuận của ông V đối với bà. Căn cứ khoản 1 Điều 370 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.*”

Việc bà D chuyển giao nghĩa vụ cho ông V nhưng không thông báo cho bên có quyền (Ngân hàng) biết và chưa được sự đồng ý của Ngân hàng nên việc chuyển giao nghĩa vụ của bà D chưa được công nhận. Mặt khác bà D và ông V ký hợp đồng vay tài sản với Ngân hàng lúc đó ông bà chưa ly hôn do đó bà D vẫn có nghĩa vụ liên đới trả nợ với khoản nợ đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần D. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa bà D không có ý kiến gì sau này bà có yêu cầu bà có quyền khởi kiện ông V bằng bản án khác yêu cầu ông V thanh toán số tiền mà bà đã trả cho Ngân hàng.

Xét thấy, trong quá trình sử dụng tiền vay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng với nguyên đơn do đó yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở. Tạm tính đến ngày 04/9/2025 ông V và bà D mới thanh toán cho Ngân hàng 276.236.349 đồng, ông V và bà D còn thiếu của Ngân hàng 223.763.651 đồng tiền nợ gốc.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: “ Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng” và tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền và khoản 1 Điều 466 Luật dân sự năm 2015 quy định “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 223.763.651 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ lãi :

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 quy định “... *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về*

lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi suất quy định về quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn và lãi theo hợp đồng là phù hợp. Mức lãi suất là 7,99%/năm và lãi suất quá hạn được tính bằng 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ bản tự khai và bảng chiết tính lãi vay ngày 04/9/2015 thì bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 88.654.061 đồng hiện bị đơn còn thiếu của nguyên đơn 370.599.320 đồng tiền lãi, tạm tính đến ngày 04/9/2025.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên đã được ký kết là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 370.599.320 đồng tạm tính đến ngày 04/9/2025 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần D tạm tính đến ngày 04/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) tổng số tiền là 594.362.971 đồng (*Năm trăm chín mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi một đồng*). Bao gồm: 223.763.651 đồng nợ gốc và 370.599.320 đồng nợ lãi (Lãi trong hạn là: 47.116.637 đồng; Lãi quá hạn là: 291.982.102 đồng và Lãi chậm trả lãi là: 31.500.581 đồng)

Ông V và bà D tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 05/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 18/2016/HĐTD//KHCHN-PVB-CN.BT cùng khế ước nhận nợ số 01 ngày 26/4/2016 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần D và ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D .

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với hợp đồng thế chấp xe ô tô số 17/2016/HĐBD/KHCHN-PVB-CN.BT ngày 26/04/2016 để bảo đảm cho khoản vay nêu trên đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần D với ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D nếu ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi suất phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng cụ thể là: 01 xe ô tô con hiệu Ford, số loại EcoSport JK8 5D UEJA-AT-TITA; 05 chỗ, màu đỏ, biển kiểm soát: 51F-662.23, số khung: RL05TSBAMGAR06635, số máy: UEJA06635, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 158838 do Phòng cảnh sát

giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/04/2016 cho ông Nguyễn Ngọc Anh V đứng tên để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần D..

- Xét việc ông V và bà D đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số hợp đồng thế chấp xe ô tô số 17/2016/HDBD/KHCN-PVB-CN.BT ngày 26/04/2016 với Ngân hàng thương mại cổ phần D để đảm bảo khoản vay số tiền là 500.000.000 đồng. Tuy nhiên Ngân hàng cho ông V và bà D vay chỉ giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 158838 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/04/2016 cho ông Nguyễn Ngọc Anh V còn xe thì giao cho ông V quản lý và sử dụng. Ngày 24/3/2025, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ chiếc xe trên tại địa chỉ xxx NK, phường H (cũ là Phường x, quận G), Thành phố H nhưng tại thời điểm thẩm định không có chiếc xe ô tô tại địa chỉ trên. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại các bên không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do đó việc các bên giao kết hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp xe ô tô là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 317 Bộ luật dân sự năm 2015 nên hợp đồng thế chấp này có hiệu lực pháp luật và các bên phải tuân thủ nhưng thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ Điều 3; Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi năm 2012 về đăng ký giao dịch bảo đảm và Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nếu bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con hiệu Ford, số loại EcoSport JK8 5D UEJA-AT-TITA; 05 chỗ, màu đỏ, biển kiểm soát: 51F-662.23, số khung: RL05TSBAMGAR06635, số máy: UEJA06635. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 158838 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/04/2016 cho ông Nguyễn Ngọc Anh V .

-Số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D đối với Ngân hàng thương mại cổ phần D. Nếu số tiền thu được từ bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần D.

Sau khi ông V và bà D thanh toán cho Ngân hàng xong khoản tiền vay theo hợp đồng thì căn cứ Điều 322 và Điều 327 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc chấm dứt tài sản thế chấp khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản chấm dứt và nghĩa vụ của bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần D trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 158838 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/4/2016 cho ông Nguyễn Ngọc Anh V

-Đối với số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng do ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D phải trả cho nguyên đơn số tiền 594.362.971 đồng và yêu cầu nguyên đơn được Tòa án chấp nhận do đó căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và sửa đổi bổ sung năm 2025 nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận do đó Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D phải chịu số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng và ông V và bà D phải trả lại

cho Ngân hàng thương mại cổ phần D số tiền 5.000.000 đồng mà Ngân hàng đã tạm nộp.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 12.842.296 đồng (*Mười hai triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm chín mươi sáu*) đồng là tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0012922 ngày 22/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) .

Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 594.362.971 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.774.500 (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm đồng*) .

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 235; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ các Điều 280; Điều 299; Điều 317; Điều 322 ; Điều 327; khoản 1 Điều 370; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 3; Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi năm 2012 về đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn :

-Buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần D số tiền tạm tính đến ngày 04/9/2015 là 594.362.971 đồng (*Năm trăm chín mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn chín trăm bảy mươi một đồng*). Trong đó bao gồm: 223.763.651 đồng nợ gốc và 370.599.320 đồng nợ lãi (Lãi trong hạn là: 47.116.637 đồng; Lãi quá hạn là: 291.982.102 đồng và Lãi chậm trả lãi là: 31.500.581 đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D tiếp tục thanh toán phần tiền lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng

vay số 18/2016/HĐTD//KHCN-PVB-CN.BT ngày 26/4/2016 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần D và ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D kể từ ngày 05/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

-Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng thương mại cổ phần D có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên và phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng cụ thể là: 01 xe ô tô con hiệu Ford, số loại EcoSport JK8 5DUEJA-AT-TITA; 05 chỗ, màu đỏ, biển kiểm soát: 51F -662.23; số khung SBAMGAR06635, số máy: UEJA06635, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 158838 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/04/2016 cho ông Nguyễn Ngọc Anh V.

-Số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D đối với Ngân hàng thương mại cổ phần D. Nếu số tiền thu được từ bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần D.

-Sau khi ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần D xong khoản tiền vay theo hợp đồng cho vay số 18/2016/HĐTD//KHCN-PVB-CN.BT ngày 26/4/2016 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần D và ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D thì Ngân hàng thương mại cổ phần D trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 158838 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/04/2016 cho ông Nguyễn Ngọc Anh V.

-Buộc ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần D số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng(*Năm triệu đồng*)

Việc giao nhận được thực hiện tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc Anh V và bà Phan Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.774.500 (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm đồng*) .

-Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần D số tiền 12.842.296 đồng (*Mười hai triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm chín mươi sáu*) đồng là tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0012922 ngày 22/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- VKSND KV7, TPHCM;
- Phòng THA dân sự KV7, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tưởng Công Sơn